

**TOÀ A1 NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản A1 số: 42/2020/DS-PT
Ngày 08 - 5 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ A1 NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Dựa

Ông Huỳnh Đắc Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản A1 dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1977; địa chỉ ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Vĩnh B- Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia tỉnh V (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Hồ Văn A1, sinh năm 1952 (vắng mặt);

2. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1955 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ Văn A1: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2019 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1930; địa chỉ ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T1: Ông Nguyễn Văn N2, sinh

năm 1966; địa chỉ ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2019 (có mặt)

2. Ông Hồ Văn N, sinh năm 1958 (vắng mặt);

3. Ông Hồ Minh C, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ Văn N, ông Hồ Minh C: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2020 (có mặt).

4. Bà Hồ Thị N3, sinh năm 1934; địa chỉ số M, khu vực N, phường C, quận Ô, thành phố C (có đơn xin xử vắng mặt).

5. Ông Đinh Văn C3, sinh năm 1949; địa chỉ ấp, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; địa chỉ trụ sở số A, đường M, khóm N, phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của Sở Tài nguyên và Môi trường: Ông Trần Văn H; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H: Ông Nguyễn Minh T; chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V, theo văn bản ủy quyền ngày 12/02/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Hoàng A là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ A1:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2017, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 28/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng A trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 57, diện tích đất 6.518,2m², tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh trước năm 1975 chị không biết của ai. Từ năm 1975 bà Trần Thị K (bà ngoại chị) đến khai phá và sử dụng đất, khi đó đã có sẵn các ngôi mộ của thân tộc ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn A1. Quá trình sử dụng đất cha chị ông Nguyễn Văn T kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi cha chị chết, mẹ chị bà Huỳnh Thị T1 được thừa kế thửa đất nêu trên. Ngày 23/4/2017, chị được bà T1 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Ngày 08/5/2017, chị được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 57, diện tích đất 6.518,2m².

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và ông A1 di dời các ngôi mộ trả đất cho chị.

** Theo đơn phản tố ngày 28/8/2017, đơn phản tố bổ sung ngày 10/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Văn T, ông Hồ Văn A1 trình bày:*

Thửa đất số 57, diện tích đất 6.518,2m², tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T hiện do chị Nguyễn Thị Hoàng A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông bà, nên trên đất có chôn cất người thân của các ông gồm: Bà nội Thái Thị N1 lập mộ năm 1945, ông nội Hồ Văn M lập mộ năm

1951, cô ruột bà Hồ Thị N1 lập mộ 1948, thêm dẫu bà Nguyễn Thị L lập mộ năm 1968. Năm 1979, Hồ Văn T2 là con của ông A1 chết cũng chôn cất trên phần đất mộ này.

Do chiến tranh nên gia đình các ông bỏ đi nơi khác, năm 1974 trở về canh tác đất được 01 năm, từ năm 1975 đến nay gia đình chị Nguyễn Thị Hoàng A canh tác thửa đất 57, nhưng phần diện tích đất mộ các ông vẫn sử dụng từ trước đến nay, năm 2003 tiến hành bom cát, nâng cấp mộ bà N1, mộ ông M, mộ bà L thành các mộ đá như hiện nay, gia đình chị Hoàng A không ai có ý kiến gì.

Nay các ông yêu cầu được sử dụng diện tích đất có mộ 68,6m², yêu cầu xem xét mở lối đi vào phần đất mộ diện tích 33,4 m², đối với phần đất còn lại các ông không tranh chấp.

** Ông Nguyễn Minh T là người đại diện hợp pháp Sở Tài nguyên và Môi trường trình bày:* Việc cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Hoàng A là đúng quy định của pháp luật.

** Ý kiến của anh Nguyễn Văn N2 là người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T1:* Thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hoàng A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N, ông Hồ Minh C trình bày:* Hai ông là anh em ruột với nhau. Các ngôi mộ chị Hoàng A yêu cầu di dời có mộ bà nội Thái Thị N1, ông nội Hồ Văn M và mẹ ruột Nguyễn Thị L. Các ông thống nhất để ông Hồ Văn T đại diện thân nhân đứng ra giải quyết với chị Hoàng A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N3 trình bày:* Các ngôi mộ chị Hoàng A yêu cầu di dời có mộ mẹ ruột Thái Thị N1, cha ruột Hồ Văn M và em ruột Hồ Thị N1. Bà thống nhất để ông Hồ Văn T đại diện thân nhân đứng ra giải quyết với chị Hoàng A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn C3 trình bày:* Các ngôi mộ chị Hoàng A yêu cầu di dời có mộ của cậu ruột là Hồ Văn M. Nay ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoàng A. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn T và Hồ Văn A1.

Công nhận cho ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn A1 được quyền sử dụng diện tích đất 68,6 m² vị trí có 03 ngôi mộ nằm trong tổng diện tích đất 6.518,2m², thửa 57, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng A phải mở lối đi trên thửa đất nêu trên diện tích 33,4 m² cho ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn A1 sử dụng đi vào mộ (có tuyên kích thước, tứ cận của phần đất mộ và phần đất lối đi).

Ghi nhận sự đồng thuận của ông Đinh Văn C3, bà Hồ Thị N3, Hồ Minh C, Hồ Văn N, Hồ Văn T, Hồ Văn A1 để ông Hồ Văn T đại diện thân nhân của 03 ngôi mộ đứng tên quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ theo bản án của Tòa án.

Buộc ông Hồ Văn T đại diện thân nhân của 03 ngôi mộ phải hoàn trả giá trị đất và giá trị cây trồng cho chị Nguyễn Thị Hoàng A với số tiền 2.246.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/9/2019, chị Nguyễn Thị Hoàng A kháng cáo không đồng ý giao đất cho bị đơn theo quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Phần đất tranh chấp được cơ quan chuyên môn xác định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Hoàng A đúng pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng A, sửa bản án sơ thẩm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nguyên đơn qua các thời kỳ thì trên đất đã có các ngôi mộ của thân tộc bị đơn, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V xác định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn đúng pháp luật là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA A1:

[1] Đơn kháng cáo của chị Hoàng A còn trong hạn luật định là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hoàng A không đồng ý cho ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn A1 sử dụng diện tích đất 68,6m² có các ngôi mộ là thân nhân của ông T, ông A1 và diện tích đất 33,4m² là lối đi vào mộ trong tổng diện tích đất 6.518,2m², thửa 57, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh hiện do chị Hoàng A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Ngày 30/7/1994, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T (cha của chị Hoàng A) thửa đất 236, diện tích 5.930m², tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (bút lục 365). Năm 2003 ông T mất. Ngày 30/9/2016, bà Huỳnh Thị T1 (mẹ chị Hoàng A) lập hồ sơ thừa kế thửa đất 236 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 366). Ngày 23/4/2017, bà T1 lập thủ tục tặng cho thửa đất 236 cho chị Hoàng A (bút lục 367, 368). Ngày 08/5/2017, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 57 (được chuyển đổi từ thửa đất 236), diện tích đất 6.518,2m² cho chị Nguyễn Thị Hoàng A (bút lục số 372).

[4] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện trên thửa đất số 57 nêu trên có 03 ngôi mộ thân nhân của ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn A1 gồm mộ bà Thái Thị N1 chôn vào năm 1945, mộ ông Hồ Văn M chôn vào

năm 1951, mộ bà Nguyễn Thị L chôn vào năm 1968. Tại phiên tòa ông Hồ Văn T khai trong phạm vi khuôn viên mộ diện tích 68,6m² còn có mộ đất của bà Hồ Thị N1 chôn vào năm 1948 và mộ anh Hồ Văn T2 chôn vào năm 1979. Như vậy lời khai của chị Hoàng A cho rằng vào năm 1975 bà ngoại chị tên Trần Thị K đến chiếm hữu đất thì trên đất đã có các ngôi mộ của thân tộc ông T, ông A1 là đúng sự thật.

[5] Từ nội dung nhận định [3] và [4] như trên thì việc chiếm hữu đất để chôn cất người thân của ông T và ông A1 có trước khi gia đình chị Hoàng A đến sử dụng đất, nên không có việc gia đình chị Hoàng A chiếm hữu cả phần đất có mồ mả. Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nguyên đơn qua các thời kỳ không xem xét hiện trạng trên đất có các ngôi mộ của thân tộc bị đơn mà cấp toàn bộ cho phía nguyên đơn là không đúng pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải mở lối đi cho bị đơn vào phần đất mộ là đúng pháp luật. Vì vậy kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hoàng A và ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hoàng A không có căn cứ pháp lý, nên chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên án sơ thẩm.

[7] Do giữ nguyên án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khA1g cáo chị Nguyễn Thị Hoàng A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoàng A.
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn T và Hồ Văn A1 yêu cầu được sử dụng diện tích đất 102m² (trong đó: Lối đi vào mộ là 33,4m² và vị trí các ngôi mộ của thân nhân ông A1 và ông T là 68,6m²), nằm một phần trong tổng diện tích 6.518,2m², thửa 57, tờ bản đồ số 20, loại đất cây lâu năm tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bị đơn ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn A1 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 68,6 m² vị trí có các ngôi mộ nằm trong tổng diện tích đất 6.518,2m², thửa 57, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, phần đất có kích thước và tứ cận như sau:

- Hướng Đông nằm trong thửa 57 có số đo 7,3m;
- Hướng Tây nằm trong thửa 57 có số đo 9,8m;

- Hướng Nam nằm trong thửa 57 có số đo 07m;
- Hướng Bắc nằm trong thửa 57 có số đo 07m.

Về lối đi: Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng A phải mở lối đi diện tích 33,4 m² (chiều ngang 1,5 mét) nằm trên thửa đất 57 cho bị đơn ông Hồ Văn T, ông Hồ Văn A1 và thân nhân các ngôi mộ sử dụng làm lối đi ra vào mộ, phần đất có kích thước và tứ cận như sau:

- Hướng Đông nằm trong thửa 57 có số đo 11,6m;
- Hướng Tây nằm trong thửa 57 có số đo 9,8m;
- Hướng Nam nằm trong thửa 57 có số đo 12,10m;
- Hướng Bắc nằm trong thửa 57 đoạn 1 có số đo 1,5m, đoạn 2 có số đo 10,57m.

Tổng diện tích của phần mộ và lối đi là 102m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Ghi nhận sự đồng thuận của ông Đinh Văn C3, bà Hồ Thị N3, Hồ Minh C, Hồ Văn N, Hồ Văn T, Hồ Văn A1 để ông Hồ Văn T đại diện thân nhân các ngôi mộ được quyền sử dụng đất mộ và thực hiện nghĩa vụ theo bản án của Tòa án.

Buộc ông Hồ Văn T phải đền bù cho chị Nguyễn Thị Hoàng A tiền sử dụng lối đi 2.171.000 đồng và giá trị 05 cây cau 75.000 đồng. Tổng số tiền 2.246.000 đồng (*hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Số tiền chị Hoàng A đã nộp theo biên lai số 0011461 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào số tiền chị Hoàng A phải chịu. Chị Hoàng A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn A1, ông Hồ Văn T không phải chịu. Hoàn trả cho ông T và ông A1 406.250đ (*bốn trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm chục đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011584 ngày 29/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Số tiền chị Hoàng A đã nộp theo biên lai số 0006360 ngày 30/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào số tiền chị Hoàng A phải chịu. Chị Hoàng A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 3.655.000đ (*ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Số tiền này chị Nguyễn Thị Hoàng A đã nộp tạm ứng và chi xong.

Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu 1.827.500đ (*một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Chị Hoàng A đã nộp đủ.

Buộc ông Hồ Văn T phải chịu số tiền 1.827.500đ (*một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Do chị Nguyễn Thị Hoàng A đã nộp tạm ứng trước, nên

cơ quan thi hành án thu từ ông Hồ Văn T số tiền 1.827.500đ (một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) để hoàn trả lại cho chị Hoàng A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHA1 - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHA1 - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Dựa

Lê T Trung

Trần Văn Lực